**BÀI 4: TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ**

**GIỚI THIỆU TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ NỘI DUNG BÀI HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.

- Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó; hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực cảm thụ phân tích văn bản văn học.

- Năng lực ngôn ngữ: sử dụng từ Hán Việt.

- Năng lực tạo lập văn bản: viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học..

- Năng lực nói và nghe: trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội..

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức phê phán cái xấu, cái tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

- Chăm chỉ, tự giác học tập, tìm tòi và sáng tạo

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về thơ trào phúng.  - HS trả lời  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về từ Hán Việt  - HS trả lời  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về sắc thái nghĩa của từ.  - HS trả lời | **1. Thơ trào phúng**  - Về nội dung, thơ trào phúng dùng tiếng cười để phê phán những cái chưa hay chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa,… nhằm hướng con người tới các giá trị thẩm mĩ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp.  - Về nghệ thuật, thơ trào phúng thường sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nói quá,… tạo ra tiếng cười khi hài hước, mỉa mai, châm biếm nhẹ nhàng; lúc đả kích mạnh mẽ, sâu cay.  **2. Từ Hán Việt**  Trong vốn từ gốc Hán, có một bộ phận các từ đơn được cảm nhận như từ thuần Việt, ví dụ: *tổ, đầu, phòng, cao, tuyết, bang, thần, bút,…* và một bộ phận các từ phức (có chứa yếu tố thường không có khả năng sử dụng độc lập như từ đơn) ít nhiều còn gây khó hiểu như: *sĩ tử, nhân văn, nhân đạo, không phận, hải phận, địa cực, kí sinh,…* Nhóm các từ phức gốc Hán này thường được gọi là từ Hán Việt. Mỗi tiếng của từ thuộc nhóm này có tên gọi tương ứng là yếu tố Hán Việt.  **3. Sắc thái nghĩa của từ ngữ**  Sắc thái nghĩa của từ ngữ là phần nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện thái độ, cảm xúc, cánh đánh giá của người dùng đối với đối tượng được nói đến. |

**VĂN BẢN 1: LỄ XƯỚNG DANH KHOA ĐINH DẬU**

**(Trần Tế Xương)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Cảm nhận được nỗi lòng đau đớn, chua xót của nhà thơ Trần Tế Xương trước hiện thực đất nước.

- Hiểu được thái độ châm biếm, đả kích của Trần Tế Xương.

- Nhận biết được thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Trần tế Xương.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu.*

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của văn bản thơ Đường luật.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm**: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:

+ Nhà nước phong kiến xưa tổ chức các kì thi cho sĩ tử tham gia nhằm mục đích gì?

+ Sau cuộc thi (thể thao, nghệ thuật, giáo dục,…) thường sẽ có một buổi lễ xướng danh và trao giải. Mục đích của lễ xướng danh là gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài: *Việc thi cử ngày xưa là của vua, của triều đình nhằm mục đích kén chọn kẻ sĩ tài giỏi, chọn nhân tài làm quan giúp vua , giúp nước. Bấy giờ nước ta bị thực dân Pháp thống trị, việc thi cử vẫn còn thi chữ Hán theo lễ cũ vì thế đã nhiều nhà thơ đã bày tỏ tấm lòng đau xót của mình trước thực trạng thi cử của đất nước. Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu của Trần Tế Xương là một bài thơ như thế*.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc – hiểu văn bản**

| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tác giả Trần Tế Xương và văn bản.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS: *Trình bày ngắn gọn thông tin về tác giả Trần Tế Xương (HS đã chuẩn bị ở nhà).*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Từ phần chuẩn bị ở nhà, HS thảo luận theo nhóm đôi, bổ sung những chi tiết còn thiếu.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Trao đổi, thảo luận báo cáo**  - GV gọi 2 HS phát biểu  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét và đưa ra kết luận.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi HS đọc văn bản: đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời:  *+ Cho biết thể loại của văn bản?*  *+ Đề tài*  *+ Nhan đề*  *+ Bố cục*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Trần Tế Xương (1870 – 1907) quê ở Nam Định, là người có tài nhưng lận đận thi cử, đỗ Tú tài nên thường được gọi là Tú Xương.  - Trần Tế Xương sáng tác nhiều thơ Nôm. Thơ của ông đậm chất trữ tình và chất trào phúng, phản ánh rõ nét bức tranh hiện thực của xã hội thuộc địa nửa phong kiến nước ta cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.  - Một số bài thơ Nôm tiêu biểu của Trần Tế Xương: *Năm mới chúc nhau, Thương vợ, Áo bông che bạn, Sông Lấp,…*  **2. Tác giả**  - Thể loại: Thất ngôn bát cú  - Đề tài: Thi cử  - Nhan đề: Bài thơ còn có một tên gọi khác *Vịnh khoa thi hương*. Bài thơ miêu tả lễ xướng danh khoa thi Hương tại trường Nam 1897, qua đó nói lên nỗi nhục mất nước và niềm chua xót của kẻ sĩ đương thời.  - Bố cục: 4 phần: Đề – thực – luận – kết |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, phân tích được các chi tiết, hình ảnh đặc sắc trong văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV nêu yêu cầu  *+ Hai câu thơ đầu giới thiệu điều gì?*  *+ Nêu thời gian, hình thức của khoa thi.*  *+ Từ đó gợi lên tình cảnh đất nước như thế nào?*  **-**HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ HS  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thảo luận**  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV chốt kiến thức và ghi bảng.  **NV2:**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV nêu yêu cầu  *+ Hai câu thực miêu tả cảnh gì?*  *+ Hình ảnh sĩ tử và quan trường được tác giả miêu tả như thế nào?*  *+ Nhận xét về nghệ thuật đối và đảo ngữ.*  **-**HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ HS  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thảo luận**  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV chốt kiến thức và ghi bảng.  **NV3:**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV nêu yêu cầu:  *+ Hai câu luận cho người đọc hình dung về điều gì?*  *+ Qua đó, bộc lộ tình cảm gì của tác giả?*  *+ Nhận xét về nghệ thuật đối.*  **-**HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ HS  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thảo luận**  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV chốt kiến thức và ghi bảng.  **NV4:**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV nêu yêu cầu:  *+ Hai câu kết thể hiện tình cảm gì của nhà thơ?*  *+ Nguồn mạch trữ tình của tác giả trong hai câu kết được gợi ra từ đâu?*  **-**HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ HS  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thảo luận**  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV chốt kiến thức và ghi bảng. | **1. Hai câu đề**  - Hai câu đề giới thiệu một nét mới của khoa thi Đinh Dậu:  *Nhà nước ba năm mở một khoa*  *Trường Nam thi lẫn với trường Hà*  - Thời gian mở khoa thi: Ba năm mở một khoa.  - Hình thức thi: Trường Nam thi lẫn với trường Hà.  🡪 Sự lộn xộn, láo nháo, lôi thôi, thiếu nề nếp, quy củ của cuộc thi.  => Sự lộn, nhốn nháo, thấy được tình cảnh của đất nước, sự áp đảo của ngoại bang.  **2. Hai câu thực**  Hai câu thực miêu tả cảnh nhập trường và xướng danh bằng hai nét vẽ rất đặc sắc:  *Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ*  *Ậm ọe quan trường miệng thét loa*  - Sĩ tử:  + Vai đeo lọ 🡪 dáng dấp luộm thuộm  + Lôi thôi sĩ tử: đảo ngữ 🡪 nhấn mạnh vẻ nhếch nhác, không gọn gàng của những sĩ tử.  🡪 Câu thơ vẽ nên viễn cảnh hài hước, chua chát. Họ không có tư thế của những sĩ tử đi thi, của người làm chủ kiến thức trong kì thi.  - Quan trường: dáng vẻ ra oai, nạt nộ  + Ậm ọe quan trường: đảo ngữ 🡪 làm nổi bật đối tượng người coi thi nói năng ậm ọe, ấp úng, ra oai, gượng gạo.  + Miệng thét loa: sự nhốn nháo, quá lộn xộn của cảnh trường thi.  🡪 Trường thi không còn là chốn tôn nghiêm, nề nếp nữa, quá lộn xộn, quá ồn ào, khác nào cảnh họp chợ, nên quan trường mới ậm ọe và thét loa như thế.  => Tú Xương đối rất chỉnh làm hiện lên hai hình ảnh trung tâm của trường thi. Sĩ tử thì lôi thôi nhếch nhác, mất đi cái vẻ nho nhã thư sinh. Quan trường, giám thị cũng chẳng còn cáu phong thái nghiêm trang, trịnh trọng vốn có.  **3. Hai câu luận**  Hai câu luận tô đậm bức tranh *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu* bằng hai bức biếm họa về ông Tây và mụ đầm:  *Cờ kéo rợp trời, quan sứ đến*  *Váy lê quét đất, mụ đầm ra*  - Quan sứ, mụ đầm 🡪 làm tăng sự lố bịch của cuộc thi.  - Cờ kéo rợp trời: đón tiếp trang nghiêm, linh đình.  - Váy lê quét đất: cách ăn mặc lòe loẹt, lố lăng.  🡪 Sự phô trương về hình thức, nhố nhăng, lôi thôi.  - Phép đối:  Quan sứ >< bà đầm  Cờ kéo >< váy lê  🡪 Bức tranh biếm họa về trường thi đầy rẫy những đối lập, ngược đời, trớ trêu.  => Nghệ thuật trào phúng độc đáo trong phép đối của Tú Xương thể hiện nỗi đau, nỗi nhục mất nước được cực tả một cách cay đắng, lạnh lùng qua cặp câu luận này.  **4. Hai câu kết**  - Hai câu kết như một lời than. Nguồn mạch trữ tình như được chiết xuất ra từ những điều mắt thấy, tai nghe, từ những nhố nhăng, lôi thôi, lộn xộn trong ngoài, trên dưới nơi trường Nam năm Đinh Dậu:  *Nhân tài đất Bắc nào ai đó*  *Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà*  - Câu hỏi: Nhân tài đất Bắc nào ai đó 🡪 lời kêu gọi những người có lòng tự tôn dân tộc hãy thức tỉnh để trông cảnh nước nhà.  - Ngoảnh cổ: thái độ, tâm thế không cam tâm sống mãi trong cảnh đời nô lệ.  - Cảnh nước nhà: hiện trạng đất nước và nỗi nhục mất nước.  => Tú Xương là một trong hàng vạn sĩ tử dự khoa thi Hương năm Đinh Dậu. Ông là người tham dự, là người chứng kiến,… Từ nỗi đau của người hỏng thi mà ông ngẫm về cái nhục của sĩ tử, của trí thức, của nhân tài đất Bắc. Thể hiện tấm lòng yêu nước, căm ghét bọn thực dân xâm lược, thức tỉnh lòng tự tôn dân tộc. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Nội dung**  - Thể hiện thái độ châm biếm, đả kích của Tú Xương.  - Tâm trạng đau đớn, chua xót của nhà thơ trước hiện thực đất nước.  **2. Nghệ thuật**  - Kết hợp hài hòa giữa châm biếm đả kích và trữ tình.  - Nghệ thuật đảo ngữ, đối lập => bức tranh trường thi và sự nhố nhăng của khung cảnh tiếp đón quan sứ. |

**Hoạt động 2: Viết kết nối và đọc**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn phân tích chi tiết đặc sắc trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) phân tích một chi tiết có tính chất trào phúng mà em ấn tượng nhất trong bài thơ Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**Bước 3: Trao đổi, báo cáo sản phẩm**

- HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét,…

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

| ***Đoạn văn mẫu***  (1)Bài thơ Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu đã miêu tả lễ xướng danh khoa thi tại trường Nam 1897, thể hiện thái độ mỉa mai, phẫn uất của nhà thơ đối với chế độ khoa cử nhốn nháo:  “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ  Ậm ọe quan trường miệng thét loa”  (2)Chỉ một từ “lôi thôi” được đảo ra phía trước, nhấn mạnh là hình ảnh của sĩ tử bị chìm trong sự nhếch nhác. (3)Sĩ tử mà bút mực đâu không thấy, chỉ nổi bật lủng lẳng một cái lọ (vì đường xa, phải đeo theo lọ nước uống). (4)Hàng ngàn “sĩ tử vai đeo lọ” thì lôi thôi thật, là bức tranh biếm họa để đời về anh học trò đi thi trong thời buổi thực dân nhố nhăng. (5)Còn quan trường thì “ậm ọe” giọng như mửa, sĩ tử thì đông vì dồn cả hai trường thi lại nên quan trường phải “thét loa” lại còn lên giọng đe nẹt sĩ tử nên thành ra “ậm ọe” tởm lợm thật đáng ghét. (6)Thái độ trào lộng của nhà thơ thật rõ ràng. (7)Đối với “sĩ tử”, Tú Xương thấy nhếch nhác đáng thương; đối với “quan trường”, Tú Xương khinh ghét ra mặt. (8)Quan trường của một kì thi quốc gia bát nháo mà còn “ậm ọe” không biết nhục. |
| --- |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy chỉ ra nghệ thuật trào phúng trong văn bản Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c. Sản phẩm:** Tranh vẽ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy tưởng tượng vẽ lại bức tranh cảnh trường thi năm Đinh Dậu.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được từ, thành ngữ Hán Việt trong các văn bản.

- Giải nghĩa được một từ, thành ngữ Hán Việt tìm được

- Phân biệt được hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực nhận biết, giải nghĩa từ, thành ngữ Hán Việt.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Đọc lại bài thơ đã học Nam quốc sơn hà và hãy chỉ ra trong bài thơ có những từ Hán Việt nào? Hãy giải nghĩa 1 từ Hán Việt đã tìm được?*

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư*

*Tiệt nhiên phận định tại thiên thư*

*Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm*

*Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã làm đúng, nhắc nhở HS làm chưa đúng.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong chương trình Tiếng việt, các em đã được học về từ Hán Việt. Việc sử dụng từ Hán Việt nếu đúng mục đích sẽ giúp tăng hiệu quả diễn đạt, giao tiếp. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu thêm về nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khám phá**

**a. Mục tiêu:** HS tìm hiểu, tiếp thu kiến thức về hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** HS nắm rõ kiến thức về bài học.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thẻ nội dung trong SGK và đặt câu hỏi:  *+ Nêu hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt**  Khi sử dụng từ Hán Việt, cần lưu ý hiện tượng đồng âm: các yếu tố Hán Việt cùng âm, nhưng nghĩa khác xa nhau và không có liên quan với nhau. Ví dụ:  - **Giới 1** với nghĩa là “cõi, nơi tiếp giáp” trong các từ như: *giới hạn, giới thuyết, giới tuyến, biên giới, địa giới, giáp giới, hạ giới, phân giới, ranh giới, thế giới, thượng giới, tiên giới.*  - **Giới 2** với nghĩa “răn, khiêng” trong các từ như: *giới nghiêm, cảnh giới, phạm giới, thụ giới*.  - **Giới 3** với nghĩa “ở giữa, làm trung gian” trong các từ như: *giới thiệu, môi giới.*  - **Giới 4** với nghĩa “đồ kim khí, vũ khí” trong các từ như: *cơ giới, cơ giới hóa, binh giới, khí giới, quân giới.*  - **Giới 5** với nghĩa chỉ một loài cây: kinh giới. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức về nghĩa của từ, thành ngữ Hán Việt để làm các bài tập trong SGK.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS thực hiện các bài tập trong SGK.  *1. Chỉ ra một số yếu tố Hán Việt được sử dụng trong văn bản Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu.*  *a. Giải thích mỗi yếu tố.*  *b. Tìm một số từ Hán Việt có sử dụng những yếu tố đó (mỗi yếu tố tìm ít nhất hai từ).*  *2. Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và tìm từ có yếu tố Hán Việt tương ứng:*   | ***Yếu tố Hán Việt*** | ***Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng*** | | --- | --- | | *Gian1 (lừa dối, xảo trá)* |  | | *Gian2 (giữa, khoảng giữa)* |  | | *Gian3 (khó khăn, vất vả)* |  |   *3. Xếp các từ ngữ sau thành từng nhóm có yếu tố Hán Việt cùng nghĩa và giải nghĩa yếu tố Hán Việt đó:*  *a.* ***nam****: kim chỉ nam, nam quyền, nam phong, phương nam, nam sinh, nam tính.*  *b.* ***thủy****: thủy tổ, thủy triều, thủy lực, hồng thủy, khởi thủy, nguyên thủy.*  *c.* ***giai****: giai cấp, giai điệu, giai nhân, giai phẩm, giai thoại, giai đoạn, bách niên giai lão.*  *4. Giải nghĩa các thành ngữ có yếu tố Hán Việt sau và đặt câu với mỗi thành ngữ:*  *a. vô tiền khoáng hậu*  *b. dĩ hòa vi quý*  *c. đồng sàng dị mộng*  *d. chúng khẩu đồng từ*  *e. độc nhất vô nhị*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành thảo luận theo nhóm.  - GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp.  - Yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Câu 1**  a.  - sĩ tử: là những học trò ngày xưa.  - quan trường: là trường thi  - quan sứ: quan người nước ngoài  - nhân tài: người có tài năng và đạo đức; có một sở trường nào đó, những người có tài năng, năng lực vượt trội ở lĩnh vực nào đó như kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học... và có đóng góp cho xã hội  b.  - nhân1: con người  - nhân 2: tình người  Những từ ghép Hán Việt có yếu tố “nhân”: Nhân cách, nhân hậu, nhân loại, thi nhân, cử nhân, nhân viên, phu nhân, nhân dân,...  **Câu 2**   | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng** | | --- | --- | | Gian1 (lừa dối, xảo trá) | gian xảo, gian dối, gian trá, gian ô, gian dâm | | Gian2 (giữa, khoảng giữa) | nhất gian | | Gian3 (khó khăn, vất vả) | gian hiểm, gian khổ |   **Câu 3**  a.  - Nhóm các từ chỉ nam1: kim chỉ nam, nam phong, phương nam ( ý chỉ sự phương hướng).  - Nhóm các từ chỉ nam2: nam quyền, nam sinh, nam tính ( ý chỉ về con trai).  b.  - Nhóm các từ chỉ thủy1: thủy tổ, khởi thủy, nguyên thủy ( ý chỉ sự bắt đầu, đầu tiên).  - Nhóm các từ chỉ thủy2: thủy triều, thủy lực, hồng thủy ( ý chỉ nước).  c.  - Nhóm các từ chỉ giai1: giai cấp, giai đoạn, bách niên giai lão ( ý nói về dài, nhiều)  - Nhóm các từ chỉ giai2: giai điệu, giai nhân, giai phẩm, giai thoại (ý nói về tốt quý, đẹp)  **Câu 4.**  a. vô tiền khoáng hậu: Vô tiền khoáng hậu làcâu thành ngữ ý nói những điều chưa từng xảy ra trong quá khứ, và cũng “rất khó” xảy ra trong tương lai. Giải nghĩa lối chiết tự: Vô = không | Tiền = trước | Khoáng = trống trải, rộng lớn | Hậu = sau.  - Đặt câu: “Bình Ngô đại cáo” là một áng văn vô tiền khoáng hậu.  b. dĩ hòa vi quý: Ý nghĩa cả câu khuyên con người ta giao tiếp hòa thuận, hòa nhã khi tiếp xúc lẫn nhau. Việc hòa hợp, nhường nhịn lẫn nhau sẽ giúp cải thiện mối quan hệ giữa hai người.  - Đặt câu: Họ đối xử với nhau rất dĩ hòa vi quý.  c. đồng sàng dị mộng: Sống gần nhau, nhưng không cùng một chí hướng.  - Đặt câu: Vợ chồng đồng sàng dị mộng.  d. chúng khẩu đồng từ: Nhiều người cùng nói một ý giống nhau.  - Đặt câu: Chỉ cần chúng khẩu đồng từ chúng ta nhất định sẽ thuyết phục được họ.  e. độc nhất vô nhị: Thứ độc đáo, chỉ có một mà không có hai.  - Đặt câu: Tính cách quái đản của cô ấy đúng là độc nhất vô nhị. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về nghĩa của từ, thành ngữ Hán Việt*.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu HS: *Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích nỗi lòng của Trần Tế Xương trong bài Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu, trong đó có sử dụng ít nhất 1 từ và 1 thành ngữ Hán Việt.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Khi sử dụng từ, thành ngữ Hán Việt cần lưu ý điều gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**VĂN BẢN 2: LAI TÂN**

(Hồ Chí Minh)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Thấy được tình trạng thối nát phổ biến của bọn quan lại Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch.

- Hiểu được nghệ thuật châm biếm độc đáo của nhà thơ.

- Nhận biết được thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Hồ Chí Minh.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Lai Tân.*

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của văn bản thơ Đường luật.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm**: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:

*+ Bác Hồ (Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh) đã bôn ba khắp năm châu bốn biển để tìm con đường cứu nước. Hãy kể tên một số nơi Bác đã từng đặt chân tới.*

*+ Hãy nêu tên một số bài thơ của Hồ Chí Minh mà em biết.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài: *Bác Hồ đã bôn ba khắp năm châu bốn biển để tìm con đường cứu nước. Trong suốt hành trình ấy, Bác đã từng bị giam tại nhà lao Tưởng Giới Thạch (Trung Quốc). Tại đây, Bác đã sáng tác tập thơ Nhật kí trong tù, trong đó có một số bài ghi chép những điều tai nghe mắt thấy về nhà tù và một phần xã hội Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch. Bài thơ Lai tân đã phê phán chế độ nhà tù và xã hội Trung Quốc với nghệ thuật châm biếm sâu sắc.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc – hiểu văn bản**

| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tác giả Hồ Chí Minh và văn bản *Lai Tân.*  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tìm hiểu tác giả dựa vào nội dung đã đọc ở nhà, trả lời câu hỏi sau:  *+ Hãy trình bày hiểu biết của em về tác giả Hồ Chí Minh*.    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi HS đọc văn bản: đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời:  *+ Nêu vị trí và hoàn cảnh ra đời của văn bản?*  *+ Nêu đề tài và thể thơ của bài thơ.*  *+ Nêu kết cấu của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tác giả**  - Hồ Chí Minh (1890 – 1969) quê ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là nhà cách mạng, lãnh tụ của Việt Nam, nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa lớn.  - Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng và cầm bút, Hồ Chí Minh để lại một di sản văn học rất phong phú, gồm văn chính luận, truyện kí, thơ ca,…  - Về văn chính luận, phải kể đến một số áng văn nổi tiếng như *Tuyên ngôn độc lập* (1945), *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (1946), *Không có gì quý hơn độc lập tự do* (1966),…  **2. Văn bản**  **a. Vị trí và hoàn cảnh ra đời**  - Tập Nhật kí trong tù gồm Lời đề từ và 133 bài thơ chữ Hán được Hồ Chí Minh sáng tác trong thời gian bị giam giữ và giải đi qua nhiều nhà tù của Quốc dân đảng tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc (từ ngày 29 tháng 8 năm 1942 đến ngày 10 tháng 9 năm 1943).  - Lai Tân là bài thơ thứ 96 của tập thơ.  **b. Đề tài**  - Bài thơ thuộc mảng thơ hướng ngoại, nội dung phê phán nhà tù và xã hội Trung Quốc với nghệ thuật châm biếm sắc sảo.  - Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt.  **c. Kết cấu**  2 phần:  - 3 câu đầu: Thực trạng thối nát của chính quyền ở Lai Tân.  - Câu cuối: Thái độ châm biếm của tác giả.  => Kết cấu này tạo ra tính bất ngờ, tạo điểm nhấn trong mạch cảm xúc của người đọc. Một kết luận đầy tính châm biếm về hiện thực đến phút chót mới hiện ra. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, phân tích được các chi tiết, hình ảnh đặc sắc trong văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Cho biết ba câu thơ đầu tác giả đã sử dụng loại câu gì? Nhận xét về giọng điệu của người viết?*  *+ Những đối tượng nào được nhắc đến trong bài thơ?*  *+ Việc phơi bày bộ mặt thật của những đối tượng trên đã cho thấy điều gì về bản chất bộ máy chính quyền Trung Quốc lúc bấy giờ?*  *+ Nhận xét về nghệ thuật châm biếm của tác giả?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Lời bình luận đưa ra trong câu thơ cuối cùng có gì mâu thuẫn với hiện thực ở ba câu thơ trên? Hãy lí giải sự mâu thuẫn đó?*  *+ Từ đó, em hiểu sự “thái bình” mà tác giả nói tới ở đây là như thế nào?*  *+ Đặt trong bối cảnh lịch sử Trung Hoa lúc bấy giờ điều này còn cho thấy tính chất gì của tầng lớp cai trị đất nước?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức. | **1. Ba câu thơ đầu**  - Sử dụng kiểu câu tự sự, với giọng điệu kể khách quan, không hề có sự bình luận hay bộc lộ thái độ của tác giả.  - Ba câu thơ đầu tác giả nói đến ba đối tượng khác nhau trong hệ thống quan lại Trung Quốc, cụ thể trong bối cảnh nhà giam Lai Tân thời điểm bấy giờ.  + Câu 1: Ban trưởng nhà lao: chuyên đánh bạc.   * Con người thực thi của pháp luật nhà tù, cai quản tù nhân, thế mà lại là một người ham đánh bạc. * Hai chữ “thiên thiên” cho thấy sự việc, hành động diễn ra một cách thường xuyên, ngày này qua ngày khác, đều đặn như một thói quen, như một lẽ hiển nhiên.   🡪 Dưới ngòi bút của Hồ Chí Minh, nhà tù Tưởng Giới Thạch không phải là nơi giam giữ và cải tạo tù nhân mà là một sòng bạc với những con bạc lại là những người thực thi pháp luật. Hình ảnh nhà tù bên ngoài thì nghiêm minh nhưng bên trong thì giả dối, bất công, phi lí.  + Câu 2: Cảnh trưởng tham lam ăn tiền của phạm nhân.   * Hành động cảnh trưởng là hành động của một tên ăn cướp, hành động của một tên trấn lột, ăn chặn bẩn thỉu và tàn nhẫn. Cái nực cười mỉa mai nhất là hành động này lại diễn ra ở chốn ngục tù, giữa cảnh trưởng và tù nhân. Tù nhân thì làm gì có tiền thế mà chúng cũng chẳng tha. * Thái độ của tác giả khi phản ánh thực trạng này rất thẳng thắn, dứt khoát, trực diện. Điều đó thể hiện qua hai chữ “tham thôn” được sử dụng với đúng nghĩa của nó.   🡪 Hành động của cảnh trưởng đã nói hết sự thối nát, đê tiện của nhà tù dưới thời Tưởng Giới Thạch.  + Câu 3: Nói về việc làm của huyện trưởng. Câu này có nhiều cách hiểu.   * Huyện trưởng chong đèn làm việc công; rất có thể là viên quan mẫn cán nhưng quan liêu, bằng chứng là dung túng cho bộ hạ (ban trưởng, cảnh trưởng) làm điều sằng bậy. * Thực chất huyện trưởng chong đèn là để hút thuốc phiện.   🡪 Nếu hai câu trên tác giả vạch trần bộ mặt bọn quan lại một cách trực diện thì ở câu này, Người lại sử dụng nghệ thuật châm biếm sắc sảo, sâu cay.  => Tóm lại chỉ qua ba câu thơ Hồ Chí Minh đã khái quát được sự thối nát của bộ máy chính quyền nơi đây. Các bộ máy chính quyền ấy chính là bộ mặt của xã hội Trung hoa dưới thời giặc Tưởng. Ở xã hội ấy, sự phi lý chồng chất, sự bất công chồng chất, sự thối nát chồng chất, nó diễn ra ở mọi chỗ, mọi việc, mọi lúc.  **2. Câu thơ cuối bài**  - Câu thơ cuối không đi theo mạch logic cua ba câu thơ trên. Câu cuối có thể hiểu “trời đất Lai Tân vẫn thái bình như cũ”. Thoạt nhìn tưởng như câu thơ thể hiện một sự hài lòng, một lời ca ngợi. Nhưng thực chất là sự mỉa mai, châm biếm của tác giả.  - Thái bình mà tác giả muốn ám chỉ ở đây là:  + Thái bình đối với bọn quan lại thối nát, đê tiện, nhiễu nhương, bởi bọn chúng vẫn ngày ngày được đánh bạc, dược ăn hối lộ và hút thuốc phiện, không cần quan tâm dân tình ra sao. Điều đó càng khắc sâu thêm tình trạng thối nát đã trở thành một “nề nếp” diễn ra thường xuyên, bình ổn trong bộ máy chính quyền Lai Tân.  + Bài thơ được viết cuối năm 1942 là lúc cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đang ở thời kì ác liệt, phát xít Nhật xâm lược Trung Quốc, biết bao biến động, biết bao tang thương, vậy mà bọn người này vẫn bình chân, vẫn cứ thấy Lai Tân thái bình. Điều đó có cho thấy sự tàn ác, nhẫn tâm của tầng lớp quan lại Trung Quốc.  - Hai chữ “thái bình” được xem là nhãn tự của bài thơ, Hoàng Trung Thông nhận xét: “Hai chữ thái bình mà xâu tóm lại bao nhiêu việc làm trên là muôn thuở của xã hội Trung Quốc, của giai cấp bóc lột thống trị. Chỉ hai chữ ấy mà xé toang tất cả mọi thái bình trá nhưng thực chất là đại loạn ở bên trong”.  🡪 Với giọng thơ có vẻ bình thản vô cảm nhưng kì thực là mỉa mai, đả kích mạnh mẽ, Hồ Chí Minh đã tố cáo sự thối nát của bộ máy chính quyền đã đến mức trầm trọng, trở thành phổ biến, trở thành nếp sống trên đất nước Trung Hoa. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Nội dung**  - Tác phẩm đã vẽ nên cái bản chất của cả chế độ xã hội dưới thời Tưởng Giới Thạch xấu xa mục nát đến vô cùng.  - Chất “thép” của bài thơ nhẹ nhàng mà quyết liệt.  **2. Nghệ thuật**  Bài thơ in đậm bút pháp châm biếm thơ Hồ Chí Minh: Lời thơ ngắn gọn, súc tích, nhưng đạt hiệu quả nghệ thuật cao. |

**Hoạt động 2: Viết kết nối và đọc**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn làm rõ chất trào phúng trong bài thơ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) làm rõ chất trào phúng nhẹ nhàng mà sâu cay của bài thơ Lai Tân qua lời nhận xét: “Trời đất Lai Tân vẫn thái bình”.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**Bước 3: Trao đổi, báo cáo sản phẩm**

- HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét,…

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

| ***Đoạn văn mẫu:***  (1)Câu thơ cuối cùng của bài thơ Lai Tân đã thể hiện chất trào phúng nhẹ nhàng mà sâu cay: “Trời đất Lai Tân vẫn thái bình”. (2)Thối nát như vậy thì “thái bình” sao nổi, đang loạn đấy chứ. (3)“Y cựu” đối với “Lai Tân”. (4)Lai Tân mà văn như xưa. (5)Nghĩa là cái thối nát thành nề nên không đổi. (6)Tiếng cười mỉa mai chua chát toát ra tư cách nói ngược và nghệ thuật chơi chữ ấy. (7)Tiêu cực thi có nhưng cuộc sống vẫn yên ổn, đất nước thì “vẫn thái bình, thịnh trị”. (8)Lời ngụy biện mị dân ấy thật là tội lỗi quá lớn. (9)Cái vỏ bề ngoài bình yên nhưng bên trong rường cột bị đục khoét rỗng cả rồi, cái trời đất Lai Tân này sắp sụp đổ. |
| --- |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Lai Tân.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy so sánh hoàn cảnh đất nước trong bài thơ Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu với chế độ nhà tù thực dân trong bài Lai Tân?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV gọi 2 – 3 HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em có suy nghĩ gì về bức chân dung người tù Cách mạng trong bài thơ Lai Tân?*

- GV hướng dẫn HS:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Phân biệt được sắc thái nghĩa của các từ ngữ.

- Nhận biết được sự khác nhau về cách dùng giữa các từ ngữ đó.

- Biết lựa chọn từ ngữ phù hợp cho câu văn, đoạn văn.

- Nhận biết và giải thích nghĩa của từ Hán Việt.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực nhận biết, giải thích, phân biệt sắc thái nghĩa của từ và từ Hán Việt.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS chỉ ra sự khác biệt của từ “áo nâu” trong ví dụ sau đây. Dựa vào đâu để nhận biết nghĩa của từ “áo nâu” trong từng ví dụ đó?

(1)

***Áo nâu*** liền với áo xanh

Nông thôn cùng với thị thành đứng lên

(2) Tôi mua biếu bà một chiếc ***áo nâu.***

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 - 3 HS trả lời.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã làm đúng, nhắc nhở HS làm chưa đúng.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Từ trong tiếng Việt vô cùng phong phú và đa dạng, cùng một từ có thể có nhiều nghĩa tùy thuộc vào ngữ cảnh sử dụng. Tính nhiều nghĩa của từ là kết hợp của quá trình chuyển nghĩa. Quá trình chuyển nghĩa thường được thực hiện theo hai phương thức cơ bản là ẩn dụ và hoán dụ. Đồng thời chuyển nghĩa còn gắn với quá trình chuyển tên gọi từ đối tượng này sang đối tượng khác. Để hiểu được điều này ta tìm hiểu bài mới.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khám phá**

**a. Mục tiêu:** HS tìm hiểu, tiếp thu kiến thức về sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** HS nắm rõ kiến thức bài học.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thẻ nội dung trong SGK và đặt câu hỏi:  *+ Nêu cách phân biệt sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ**  - Quan sát các từ ngữ trong những cặp sau: *ăn – xơi, trắng tinh – trắng hếu, vàng – vàng vọt, người lính – tên lính*,..., có thể thấy giữa các từ ngữ trong mỗi cặp có sự khác biệt về sắc thái nghĩa, chẳng hạn, *ăn* có tính chất trung tính nhưng *xơi* có sắc thái trang trọng, *trắng tinh* có sắc thái nghĩa tích cực (tốt nghĩa) nhưng *trắng hếu* có sắc thái nghĩa tiêu cực (xấu nghĩa),... Có những sắc thái nghĩa cơ bản như: trang trọng – thân mật – suồng sã, tích cực – tiêu cực, tốt nghĩa – xấu nghĩa,... Trong giao tiếp, cần chú ý sử dụng từ ngữ có sắc thái nghĩa phù hợp để phát huy được hiệu quả biểu đạt.  - Nhóm từ Hán Việt thường có sắc thái nghĩa cổ kính, trang trọng hoặc khái quát, trừu tượng, khác hẳn với những từ có nghĩa tương đồng trong tiếng Việt.  + Sắc thái cổ kính, ví dụ: *Sóng gợn* ***tràng giang*** *buồn điệp điệp* (Huy Cận, Tràng giang). Nếu thay *tràng giang* bằng *sông dài* thì câu thơ của Huy Cận sẽ mất đi sắc thái này.  + Sắc thái trang trọng, ví dụ: *Hôm nay,* ***phu nhân*** *Thủ tướng đến thăm các cháu ở nhà trẻ Hoa Hồng*. Cách dùng từ *phu nhân* (thay vì dùng từ *vợ*) phù hợp với vị thế của người được nói đến.  + Sắc thái khái quát, trừu tượng, ví dụ: *Các* ***phụ huynh*** *rất mong được biết đến kết quả học tập, rèn luyện của con em mình*. Từ *phụ huynh* không thể thay thế bằng từ *cha anh*. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức về phân biệt sắc thái nghĩa của từ để làm các bài tập trong SGK.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS thực hiện các bài tập trong SGk.  *1. Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ ngữ sau và cho ví dụ để làm rõ sự khác nhau về cách dùng giữa các từ ngữ đó:*  *a. ngắn và cụt ngủn*  *b. cao và lêu nghêu*  *c. lên tiếng và cao giọng*  *d. chậm rãi và chậm chạp*  *2. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:*  *Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau?*  *(Trần Quốc Tuấn, Hịch tướng sĩ)*  *a. Tìm trong đoạn trích năm từ Hán Việt và giải nghĩa các từ đó.*  *b. Đặt một câu với mỗi từ Hán Việt tìm được.*  *3. Theo em, các từ in đậm trong từng nhóm câu sau đây có thể thay thế cho nhau được không? Vì sao?*  *a. – Cuộc kháng chiến* ***vĩ đại*** *ấy là một minh chứng hùng hồn cho tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*  *- Anh ấy có một thân hình* ***to lớn****, săn chắc.*  *b. – Không thể thống kê chính xác số người* ***chết*** *trong nạn đói năm 1945*  *- Người chiến sĩ ấy đã* ***hi sinh*** *trong một trận chiến ở biên giới phía Bắc.*  *- Cụ tôi đã* ***mất*** *cách đây năm năm.*  *4. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:*  *Vua truyền cho hai chú cháu đứng dậy, và nói tiếp:*  *- Việc nước đã có người lớn lo. Hoài Văn Hầu nên về quê để* ***phu nhân*** *có người sớm hôm trông cậy.* ***Đế vương*** *lấy hiếu trị* ***thiên hạ****, em ta không nên sao nhãng phận làm con.*  *Vừa lúc ấy, một* ***nội thị*** *bưng một mâm cỗ đi qua. Thiệu Bảo cầm lấy một quả cam sành chín mọng trên mâm, bảo một nội thị đưa cho Hoài Văn.*  *(Nguyễn Huy Tưởng, Lá cờ thêu sáu chữ vàng)*  *a. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn trích trên.*  *b. Việc sử dụng các từ in đậm đó đã đem lại sắc thái gì cho lời văn.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành thảo luận theo nhóm.  - GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp.  - Yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Câu 1.**  a. ngắn chỉ tính chất trung tính nhưng cụt lủn có sắc thái châm biếm.  Đặt câu:  - Cái cây này ngắn quá.  - Cái cây này sao cụt ngủn thế.  b. cao chỉ mang sắc thái trung tính còn lêu nghêu mang sắc thái nghĩa chê bai.  Đặt câu:  - Cậu ấy cao nhất lớp.  - Cậu ấy trông lêu nghêu.  c. lên tiếng chỉ mang sắc thái trung tính còn cao giọng mang sắc thái mỉa mai.  Đặt câu:  - Cậu ấy lên tiếng phản đối những thói hư tật xấu trong xã hội.  - Cậu ấy cao giọng với mọi người trong lớp.  d. chậm rãi chỉ mang sắc thái tích cực còn chậm chạp mang sắc thái tiêu cực.  Đặt câu:  - Cậu ấy làm mọi thứ chậm rãi, rất chắc chắn.  - Cậu ấy làm gì cũng chậm chạp.  **Câu 2**  a.  - loạn lạc: tình trạng hỗn loạn, trật tự mất hết trong một nước  - gian nan: có nhiều khó khăn gian khổ phải vượt qua.  - giả hiệu: chỉ trên danh nghĩa chứ thực chất không phải, cốt để đánh lừa. độc lập giả hiệu  - triều đình: nơi các quan vào chầu vua và bàn việc nước; thường dùng để chỉ cơ quan trung ương, do vua trực tiếp đứng đầu, của nhà nước quân chủ.  - thác mệnh: ỷ lại  b.  - Thời buổi loạn lạc, nhân dân phải sống trong cảnh lầm than.  - Con người phải trải qua gian nan vất vả mới đạt được thành công.  - Anh ta đã giả hiệu người khác để làm những việc xấu.  - Các quan lại trong triều đình đang họp bàn việc nước.  - Anh ấy trước lúc hy sinh đã thác mệnh cho đồng đội.  **Câu 3.**  a. Không vì nếu thay đổi sẽ mất đi sắc thái nghĩa khái quát, trừu tượng. Từ vĩ đại thường mang một ý nghĩa, sự kiện liên quan đến tầm vóc lớn lao, trọng đại. Từ to lớn thường chỉ sự vật, con người mang tính hẹp hơn.  b. Không vì nếu thay đổi như thế sẽ mất đi sắc thái trang trọng trong từng câu văn.  **Câu 4.**  a.  - phu nhân: vợ  - đế vương: vua  - thiên hạ: thế gian, trời đất.  - nội thị: người hầu, kẻ hạ, thái giám.  b. Việc sử dụng các từ in đậm đã đem lại sắc thái trang trọng cho câu văn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về sắc thái nghĩa của từ và lựa chọn từ ngữ*.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu HS:

*Hãy cho biết sự khác nhau về sắc thái nghĩa của các từ in đậm trong các trường hợp sau:*

*+ Bố em* ***cho*** *em hai quyển vở.*

*+ Mẹ em* ***biếu*** *bà nội bánh và sữa.*

*+ Em được bạn* ***tặng*** *một bó hoa.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Trong đời sống thực tiễn có nhiều trường hợp lựa chọn từ ngữ không phù hợp dẫn đến sắc thái nghĩa của câu văn, đoạn văn thay đổi. Em hãy lấy ví dụ một số trường hợp như vậy.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**VĂN BẢN 3: MỘT SỐ GIỌNG ĐIỆU CỦA TIẾNG CƯỜI**

**TRONG THƠ TRÀO PHÚNG**

**(Trần Thị Hoa Lê)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Biết được đối tượng miêu tả thể hiện của văn học trào phúng.

- Nhận biết đặc điểm, dấu hiệu của một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng.

- Vận dụng được một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng vào cuộc sống thực tiễn.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ trào phúng.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng.*

- Năng lực nhận biết, phân tích một số bài thơ trào phúng.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm**: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: *Em hãy cho biết thơ trào phúng có tác dụng gì trong đời sống?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế, trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- Yêu cầu khoảng 4 HS trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét.

- GV khơi gợi những vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới: *Cùng với truyện cười, vè sinh hoạt, những câu hát châm biếm thì thơ trào phúng đã thể hiện khá tập trung những đặc sắc của nghệ thuật trào lộng dân gian Việt Nam; nhằm phơi bày các hiện tượng ngược đời, phê phán những thói hư tật xấu, những hạng người và hiện tượng đáng cười trong xã hội. Văn bản Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng sẽ cho ta thấy điều đó.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tác giả và văn bản.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tìm hiểu tác giả, văn bản và dựa vào nội dung đã đọc ở nhà, trả lời câu hỏi sau: *Hãy trình bày hiểu biết của em những thông tin về tác giả và văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tác giả**  - Trần Thị Hoa Lê sinh năm 1968 tại Ninh Bình, là giảng viên đại học, nhà nghiên cứu văn học.  - Các công trình nghiên cứu chính: Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam, tập 2(2015, viết chung), Văn học trào phúng Việt Nam thời trung đại (2017),...  **2. Văn bản**  Văn bản *Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng* được in trong tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, số tháng 9/2022 trang 504 – 505. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, phân tích được một số giọng điệu của thơ trào phúng trong văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Thơ trào phúng là gì?*  *+ Phương tiện trào phúng được các nhà thơ sử dụng như thế nào?*  *+ Nêu một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Hãy chỉ rõ dấu hiệu để nhận biết từng giọng điệu trào phúng?*  *+ Các bài thơ được tác giả nêu trong văn bản có tác dụng gì trong việc phân tích một số giọng điệu trào phúng cơ bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Nêu vai trò của tiếng cười trong thơ trào phúng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Giới thiệu về thơ trào phúng và một số giọng điệu cơ bản**  - Thơ trào phúng là một bộ phận sáng tác văn học đặc thù, mà đối tượng miêu tả, thể hiện của nó là sự bất toàn của con người, cuộc sống.  - Phương tiện đặc sắc mà thơ trào phúng sử dụng để chống lại cái bất toàn ấy là tiếng cười với nhiều giọng điệu khác nhau.  - Một số giọng điệu cơ bản của tiếng cười trong thơ trào phúng là: hài hước, mỉa mai – châm biếm, đả kích,...  **2. Một số giọng điệu trào phúng cơ bản**  \* Giọng điệu hài hước  - Là cách đùa cợt nhẹ nhàng cùng những yếu tố yếu tố khác lạ phóng túng, phá vỡ các khuôn khổ quen thuộc.  - Ví dụ bài thơ *Tự trào I* – Phạm Thái.  \* Giọng điệu mỉa mai – châm biếm  - Là cách tạo ra những yếu tố vô lý hoặc thiếu lo-gic, đảo lộn trật tự thông thường, tạo nên tiếng cười phê phán, thanh lọc những thói xấu như thói tự mãn, kiêu căng, đạo đức giả, keo kiệt,...  - Ví dụ: Bài thơ *Hỏi thăm quan tuần mất cướp*, Nguyễn Khuyến.  - Mỉa mai – châm biếm là một thủ pháp tạo nên tiếng cười bằng cách khẳng định một cách có vẻ như nghiêm túc, có lí những điều vô lí, không thể chấp nhận; tạo nên sự hoài nghi, phê phán, thanh lọc đối với cái xấu, cái đáng cười. Đó là cách “chế nhạo ngầm, đeo mặt nạ nghiêm trang”; khen mà để chê, khẳng định để mà phủ định, đề cao để mà hạ thấp.  - Ví dụ: Bài thơ *Nha lệ thương dân*, Kép Trà.  \* Đả kích  - Là một cấp độ khác của tiếng cười trào phúng, thường mang giọng điệu phủ nhận gay gắt đối tượng, thể hiện quan niệm nhân sinh, đạo đức của tác giả. Đó có thể là những hình thức ngôn từ mang tính “mắng chửi” quyết liệt, có phần suồng sã, thô mộc, nhằm mục đích cảnh tỉnh sự tha hóa đạo đức đang diễn ra tràn lan trong xã hội.  - Ví dụ: Bài thơ *Đất Vị Hoàng*, Trần Tế Xương.  **3. Khái quát về tiếng cười trong thơ trào phúng**  Tiếng cười trong văn chương nói chung, thơ trào phúng nói riêng thật phong phú và đa sắc màu như chính cuộc sống. Tiếng cười ấy thật cần thiết để đẩy lùi cái xấu, hướng mỗi con người đến những giá trị cao đẹp hơn.  - Thơ trào phúng mang đậm màu sắc cuộc sống, phản ánh được những góc trần trụi của cuộc sống.  - Thơ trào phúng dùng tiếng cười để xây dựng tư tưởng, tình cảm cho con người, chống lại cái xấu xa, lạc hậu, thoái hóa, rởm đời, hoặc để đả kích, vạch mặt kẻ thù, đánh vào những tư tưởng, hành động mang bản chất thù địch với con người.  - Thơ trào phúng vạch mâu thuẫn của sự vật – mâu thuẫn giữa cái bên ngoài và cái thực chất bên trong – để làm cho người đọc nhận thấy sự mỉa mai, trào lộng của sự vật là cách làm chủ yếu của thơ trào phúng; cho nên thơ trào phúng thường sử dụng lối nói phóng đại, so sánh, chơi chữ dí dỏm hay lời nói mát mẻ sâu cay. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Nội dung**  Văn bản giới thiệu những giọng điệu cơ bản của tiếng cười trào phúng, giúp người đọc hiểu rõ được một bộ phận sáng tác văn học đặc thù.  **2. Nghệ thuật**  Xây dựng luận điểm ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu phù hợp. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Em hãy cho biết: Hai bài thơ *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu* và *Lai Tân* sử dụng những giọng điệu nào của tiếng cười trào phúng*?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV gọi 2 – 3 HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy kể tên một số bài thơ trào phúng và cho biết bài thơ đó đã sử dụng những giọng điệu nào của tiếng cười trào phúng?*

- GV hướng dẫn HS:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**(Thơ trào phúng)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Giới thiệu được tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.

- Phân tích được nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.

- Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng được thể hiện trong bài thơ.

- Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**3. Về phẩm chất**

- Hiểu được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, đất nước là điều rất cần thiết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trả lời: *Khi phân tích, đánh giá về một tác phẩm văn học, theo em cần viết thế nào để thuyết phục người đọc, người nghe?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và chia sẻ ý kiến.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

Giáo viên nhận xét, dẫn dắt vào nội dung tiết học: *Bài học hôm nay, các em sẽ tìm hiểu cách viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Yêu cầu**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Cách thức tiến hành**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung trong SGK và trả lời câu hỏi:  *+ Nêu yêu cầu khi viết bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).*  *+ Phân tích bài viết tham khảo: Phân tích bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Yêu cầu**  - Giới thiệu được tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.  - Phân tích được nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.  - Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng được thể hiện trong bài thơ.  - Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ.  **2. Phân tích bài viết tham khảo: *Phân tích bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống.***  - Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ.  - Phân tích nhan đề và đề tài.  - Phân tích nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.  - Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng.  - Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ. |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các bước viết bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ nội dung trước khi viết.  - GV hướng dẫn HS thực hiện các bước theo yêu cầu:  *+ Lựa chọn đề tài*  *+ Tìm ý*  *+ Lập dàn ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2 + 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thực hành viết bài văn theo các bước đã nêu ở NV1.  - Sau khi viết xong, GV hướng dẫn HS đổi bài cho nhau theo cặp đôi để chấm và nhận xét theo mẫu phiếu GV phát sẵn (Hồ sơ dạy học).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS viết bài văn.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày bài văn của mình.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  Liệt kê các bài thơ trào phúng mà em đã học hoặc đã đọc (gợi ý: Ông phỗng đá (Nguyễn Khuyến), Năm mới chúc nhau (Trần Tế Xương),…). Chọn trong số đó một bài thơ em cảm nhận rõ nhất tiếng cười trào phúng để phân tích.  **b. Tìm ý**  Để tìm ý cho bài văn phân tích một bài thơ trào phúng, em cần thực hiện các bước sau:  - Xác định bố cục của bài thơ và nội dung chính của từng phần.  - Xác định đối tượng của tiếng cười trào phúng trong tác phẩm.  - Tìm hiểu các phương tiện nhà thơ sử dụng để gây cười như từ ngữ (đặc biệt là các từ tượng hình, từ tượng thanh, thành ngữ,…), biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, nói quá, điệp ngữ, đảo ngữ,…),…  - Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và những thông tin khác có liên quan để liên hệ, mở rộng khi phân tích.  **c. Lập dàn ý**  Tổ chức, sắp xếp các ý đã tìm được ở trên thành một hệ thống chặt chẽ, hợp lí, gồm các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Riêng phần Thân bài có thể lập dàn ý theo một trong hai phương án: theo bố cục bài thơ hoặc theo hai phương diện nội dung và nghệ thuật.  **Dàn ý**  - Mở bài: Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có),…  - Thân bài: Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày phần Thân bài theo một hệ thống ý tương ứng.  **Phương án 1:** Phân tích theo bố cục bài thơ:  + Ý 1: Câu thơ thứ … (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng).  + Ý 2: Câu thơ thứ … (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng).  + …  **Phương án 2:** Phân tích theo hai phương diện nội dung và nghệ thuật:  + Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (chỉ rõ đối tượng trào phúng của bài thơ, phân tích rõ lí do khiến đối tượng đó bị phê phán,…)  + Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ,… đã được sử dụng để tạo ra tiếng cười)  + …  - Kết bài: Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.  **2. Viết bài**  - Triển khai các ý nhất quán theo phương án dàn ý đã chọn, tránh lẫn lộn giữa hai phương án. Việc triển khai nhất quán như vậy giúp cho bài viết được chặt chẽ và mạch lạc.  - Theo phương án 1, em hãy tham khảo cách triển khai mỗi ý theo trình tự sau: thuyết (thuyết minh, dẫn dắt để đảm bảo tính mạch lạc của bài viết) – dẫn (nêu dẫn chứng, câu thơ cần phân tích) – phân tích (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng). Theo phương án 2, bài phân tích cần tách bạch rõ hai phần: phân tích nội dung và phân tích hình thức nghệ thuật nên tập trung vào biện pháp nghệ thuật đặc sắc nhất của bài thơ.  - Chú ý làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ, không sa vào tóm tắt nội dung.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu phân tích một bài thơ trào phúng và dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý để chỉnh sửa. Việc chỉnh sửa có thể thực hiện theo một số gợi ý sau:  - Kiểm tra xem các ý đã được triển khai theo lô-gic nhất quán chưa, nếu chưa thì phải điều chỉnh lại các ý cho phù hợp.  - Rà soát xem bài viết đã chú ý phân tích một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung.  - Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Ý nào cần trình bày quá dài hoặc quá nhiều thông tin thì cần rút gọn lại. Ngược lại, ý nào quá ngắn hoặc còn sơ sài thì cần bổ sung cho cân đối. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về viết bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV yêu cầu HS: *Viết lại những câu văn, đoạn văn chưa đạt yêu cầu.*

- HS thực hiện yêu cầu.

- GV mời 2 – 3 bạn đọc bài sau khi chỉnh sửa.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *HS rút ra kinh nghiệm gì khi viết bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).*

- HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**(Ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết cách thảo luận về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống).

- Nắm được nội dung chính mà nhóm trao đổi, trình bày lại được các nội dung đó để hiểu sâu hơn về vấn đề và nâng cao khả năng nói.

- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói và người nghe trao đổi, đánh giá để cùng rút kinh nghiệm.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Thấy được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, đất nước, từ đó biết hành động một cách đúng đắn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS: *Theo em, tiếng cười có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống mỗi chúng ta?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Khi muốn bày tỏ xúc cảm vui hay buồn, bộc lộ niềm hạnh phúc hay nỗi khổ đau, thể hiện sự hài lòng, tán thành hay sự bất mãn, phản đối,… con người đều có thể sử dụng tiếng cười như một phương tiện biểu đạt hữu hiệu. Hôm nay chúng ta hãy cùng thảo luận về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống.*

**Hoạt động 1: Yêu cầu, mục đích**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài nói và nghe.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nội dung SGK, xác định mục đích của bài nói.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - **Mục đích nói:** Trình bày ý kiến của em về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống để tìm sự chia sẻ, đồng tình của người nghe.  - **Người nghe:** Những người có nhu cầu tìm hiểu ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ nội dung trước khi nói và chuẩn bị:  *+ Lựa chọn đề tài*  *+ Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói*  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trình bày bài nói theo sự chuẩn bị NV1.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận thực hành nói theo các bước.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày bài thảo luận.  - Các HS khác lắng nghe, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Sau khi thực hành nói, GV hướng dẫn HS trao đổi.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với các bạn trong nhóm.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 2 – 3 trao đổi, đánh giá.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Trước khi nói**  - Xác định phạm vi trình bày (ý nghĩa của tiếng cười nói chung hay tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể, ví dụ: tiếng cười trào phúng, tiếng cười tán thưởng, tiếng cười vui mừng,…).  - Tìm những ý chính dự định sẽ trình bày trong bài nói:  + Tiếng cười đó nhằm tới đối tượng nào?  + Tiếng cười đó được biểu hiện như thế nào?  + Người tạo ra tiếng cười ấy muốn thể hiện điều gì?  + Đánh giá của em về ý nghĩa của tiếng cười đó.  - Từ các ý tìm được, lập dàn ý cho bài nói.  **2. Trình bày bài nói**  - Giới thiệu về tiếng cười nói chung (hoặc tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể).  - Lần lượt trình bày từng nội dung theo dàn ý đã chuẩn bị, kèm lí lẽ và bằng chứng minh họa. Chú ý chọn ví dụ minh họa thích hợp (từ sách báo, phim, tranh ảnh,…)  - Nêu ý kiến đánh giá về ý nghĩa của tiếng cười. Chú ý phản ứng của người nghe để tìm kiếm sự đồng thuận hoặc sẵn sàng đối thoại.  **3. Sau khi nói**  Người nói và người nghe trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:  - Ý nghĩa của tiếng cười được đề cập trong bài nói có phù hợp với cuộc sống hiện nay không?  - Vấn đề được trình bày có ý nghĩa đối với những đối tượng cụ thể nào?  - Cách lập luận, dẫn dắt vấn đề, thái độ và khả năng tương tác với người nghe,… của người nói có thuyết phục không?  - Ý kiến trao đổi của người nghe có tác dụng làm rõ hơn hoặc bổ sung cho vấn đề người nói trình bày không? |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy dựa vào dàn ý đã lập trong bài nói, viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em rút ra kinh nghiệm cho những buổi nói và nghe tiếp theo?*

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**THỰC HÀNH ĐỌC: VỊNH CÂY VÔNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

**-** Ôn tập nội dung kiến thức *Bài 4: Tiếng cười trào phúng trong thơ*

- HS vận dụng kiến thức để thực hành đọc văn bản: *Vịnh cây vông.*

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực cảm thụ văn học: Ôn tập lại nội dung, nghệ thuật của các văn bản đọc.

- Vận dụng các kiến thức đã học về văn bản nghị luận để thực hành đọc văn bản: *Vịnh cây vông*.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức phê phán cái xấu, cái tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

- Chăm chỉ, tự giác học tập, tìm tòi và sáng tạo

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ: *Hãy kể tên các văn bản truyện lịch sử đã học trong Bài 4: Tiếng cười trào phúng trong thơ.*

- HS trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố, mở rộng**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung các văn bản đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:**Bài tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS xem lại 2 văn bản *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu* và *Lai Tân* vận dụng các kiến thức đã học về thơ trào phúng để hoàn thành bài tập.

*1.* *Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các nội dung phù hợp:*

| ***Văn bản*** | ***Thể thơ*** | ***Các phần trong bố cục bài thơ*** | ***Câu thơ tương ứng*** |
| --- | --- | --- | --- |
| *Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu* |  |  |  |
| *Lai Tân* |  |  |  |

*2. Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các thông tin phù hợp:*

| ***Văn bản*** | ***Đối tượng bị châm biếm, đả kích*** | ***Những cái xấu bị châm biếm đả kích*** |
| --- | --- | --- |
| *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu* |  |  |
| *Lai Tân* |  |  |

*3. Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các thông tin tương ứng:*

| ***Giọng điệu trào phúng*** | ***Đặc điểm của giọng điệu*** | ***Ví dụ minh họa (tên bài thơ, tác giả)*** |
| --- | --- | --- |
| *Hài hước* |  |  |
| *Mỉa mai – châm biếm* |  |  |
| *Đả kích* |  |  |

*4. Tiếng cười trào phúng nhằm giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, đả kích những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa nhưng mục đích cao nhất của nó là hướng tới cuộc sống tốt đẹp hơn.*

*Em hãy nêu suy nghĩ của mình về ý kiến trên.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe yêu cầu, chuẩn bị nội dung

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày.

**Câu 1.**

| **Văn bản** | **Thể thơ** | **Các phần trong bố cục bài thơ** | **Câu thơ tương ứng** |
| --- | --- | --- | --- |
| Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu | Thất ngôn bát cú | Đề – thực – luận – kết | - Đề:  Nhà nước ba năm mở một khoa  Trường Nam thi lẫn với trường Hà  - Thực:  Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ  Ậm ọe quan trường miệng thét loa  - Luận:  Cờ kéo rợp trời, quan sứ đến  Váy lê quét đất, mụ đầm ra  - Kết:  Nhân tài đất Bắc nào ai đó?  Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà! |
| Lai Tân | Thất ngôn tứ tuyệt | Khởi – thừa – chuyển – hợp. | - Khởi: Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc.  - Thừa: Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh.  - Chuyển: Chong đèn, huyện trưởng làm công việc.  - Hợp: Trời đất Lai Tân vẫn thái bình. |

**Câu 2**

| **Văn bản** | **Đối tượng bị châm biếm, đả kích** | **Những cái xấu bị châm biếm đả kích** |
| --- | --- | --- |
| Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu | Nhà nước thực dân phong kiến, sĩ tử và quan trường, người nước ngoài, nhân tài đất Bắc. | Chế độ thi cử mạt vận, hổ lốn, ô nhục của thời thực dân mới đặt chân cai trị đất nước ta |
| Lai Tân | Bộ máy quan lại Lai Tân: ban trưởng, cảnh trưởng, huyện trưởng. | Tình trạng thối nát vô trách nhiệm của bọn quan lại ở Lai Tân. |

**Câu 3**

| **Giọng điệu trào phúng** | **Đặc điểm của giọng điệu** | **Ví dụ minh họa (tên bài thơ, tác giả)** |
| --- | --- | --- |
| Hài hước | Là cách đùa cợt nhẹ nhàng cùng những yếu tố khác lạ, phóng túng, phá vỡ các khuôn khổ quen thuộc. | Tự trào – Phạm Thái |
| Mỉa mai – châm biếm | Là cách tạo ra những yếu tố vô lí hoặc thiếu lô-gic, đảo lộn trật tự thông thường, tạo nên tiếng cười phê phán, thanh lọc những thói xấu như thói tự mãn, kiêu căng, đạo đức giả, keo kiệt,… | Hỏi thăm quan tuần mất cướp – Nguyễn Khuyến |
| Đả kích | Thường mang giọng điệu phủ nhận gay gắt đối tượng, thể hiện quan niệm nhân sinh, đạo đức của tác giả. Đó có thể là những hình thức ngôn từ mang tính “mắng chửi” quyết liệt, có phần suồng sã, thô mộc, nhằm mục đích cảnh tỉnh sự tha hóa đạo đức đang diễn ra tràn lan trong xã hội. | Đất Vị Hoàng – Trần Tế Xương |

**Câu 4**

- Ý kiến trên đúng bởi nó đã khái quát được nghệ thuật của tiếng cười trào phúng. Các nhà văn, nhà thơ sử dụng nghệ thuật ấy nhằm tố cáo xã hội đương thời mục nát. những con người thực dụng nửa mùa, đưa tới những bài học giá trị nhân văn sâu sắc.

- Nghệ thuật trào phúng là nghệ thuật gây cười nhằm đả kích, châm biếm những hiện tượng xấu xa trong đời sống xã hội. Nó được biểu hiện qua việc xây dựng những mâu thuẫn trào phúng, nhân vật trào phúng, cảnh tượng trào phúng, ngôn ngữ trào phúng, giọng điệu trào phúng...

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.

**Hoạt động 2: Thực hành đọc: *Vịnh cây vông***

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin chính về văn bản *Vịnh cây vông.*

b. **Nội dung:** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản, vận dụng các kiến thức về thơ trào phúng để tìm hiểu văn bản.  1. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.  2. Đối tượng của tiếng cười trào phúng.  3. Nghệ thuật ẩn dụ (dùng hình tượng cây vông để châm biếm, đả kích).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc văn bản và tìm hiểu văn bản theo các câu hỏi gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, trao đổi kết quả thảo luận.**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, tổng kết, chuẩn kiến thức. | **1. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.**  Bài thơ viết theo thể thơ thất ngôn bát cú đường luật.  **2. Đối tượng của tiếng cười trào phúng.**  Quan lại bộ tham tri Hà Tôn Quyền triều Minh Mạng (1820-1840), trong bữa tiệc họ Hà mừng con thi đậu.  **3. Nghệ thuật ẩn dụ (dùng hình tượng cây vông để châm biếm, đả kích).**  Mượn hình ảnh cây vông để châm biếm, đả kích bộ máy quan lại: cây vông mang ý nghĩa biểu tượng, là hình ảnh ẩn dụ cho Quan lại bộ tham tri Hà Tôn Quyền triều Minh Mạng. Đó là bộ máy quan lại bất tài, vô dụng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về *Bài 4. Tiếng cười trào phúng trong thơ*.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về vai trò của việc lên án, phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.*

- HS thực hiện yêu cầu.

- GV mời 2 – 3 bạn đọc bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy kể tên một số bài thơ trào phúng khác mà em biết, cho biết bài thơ đó sử dụng giọng điệu tiếng cười nào?*

- HS trình bày.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.